

Số: 50D/CV-NLTTVN

Gia Lai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- 1. Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Tập Đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam
- 2. Mã chứng khoán:** DL1
- 3. Địa chỉ trụ sở chính:** 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- 4. Điện thoại:** 02693 829 021 Fax: 02693 829 021
- 5. Người thực hiện công bố thông tin:** Nguyễn Tường Cột
- 6. Nội dung thông tin công bố:** CTCP Tập Đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam công bố thông tin:
 - Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán;
 - Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2020 đã được kiểm toán;
 - Công văn về việc giải trình liên quan BCTC năm 2020 đã được kiểm toán;

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/4/2021 tại đường dẫn:

⇒ <http://www.dl1.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
LƯƠNG TÁI TẠO VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số : 50C/2021/CV-NLTTVN

Pleiku, ngày 10 tháng 04 năm 2021

“V/v giải trình liên quan đến BCTC
2020 đã được kiểm toán”

Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào :

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng Lượng Tái tạo Việt Nam đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC;

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 4 năm 2020 đã được công bố;

Công ty xin giải trình các chênh lệch liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 như sau :

I. Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả kinh doanh chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên.

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020		Chênh lệch	% Tăng/ giảm
		Sau kiểm toán	Trước kiểm toán		
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35,099,159,145	35,201,454,227	(102,295,082)	(0.29)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(2,925,727,733)	20,782,772,267	(23,708,500,000)	(114.08)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	40,985,325,111	17,379,120,193	23,606,204,918	135.83
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5,800,678,375	2,481,488,375	3,319,190,000	133.76
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	35,184,646,736	14,897,631,818	20,287,014,918	136.18

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 23,7 tỷ đồng do điều chỉnh ghi nhận trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sau kiểm toán.

Do nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 23,606 tỷ đồng, chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN tăng sau kiểm toán 20,287 tỷ đồng tương ứng tăng 136,18% .

2. Tậ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020		Chênh lệch	% Tăng/ giảm
		Sau kiểm toán	Trước kiểm toán		
Doanh thu hoạt động tài chính	21	50,999,008,828	55,207,557,613	(4,208,548,785)	(7.62)
Chi phí tài chính	22	15,592,605,552	14,236,444,473	1,356,161,079	9.53
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, 1 doanh	24	114,152,379	68,478,220	45,674,159	66.70
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(2,759,343,244)	26,409,938,523	(29,169,281,767)	(110.45)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	41,245,711,673	17,595,465,611	23,650,246,062	134.41
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5,821,175,960	2,512,403,655	3,308,772,305	131.70
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	35,424,535,713	15,083,061,956	20,341,473,757	134.86
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61	35,399,388,394	15,059,671,572	20,339,716,822	135.06
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	25,147,319	23,390,384	1,756,935	7.51
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	350	149	201	134.90
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	350	149	201	134.90

Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng lợi nhuận thêm 20.3 tỷ đồng so với số liệu trước kiểm toán, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 4,2 tỷ đồng tương ứng 7,62% so với trước kiểm toán do ghi nhận giảm doanh thu hoạt động tài chính tại công ty con sau kiểm toán;
- Chi phí tài chính tăng 1,356 tỷ đồng tương ứng 9,53% so với trước kiểm toán do ghi nhận tăng chi phí tài chính tại công ty con sau kiểm toán;
- Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh tăng 45,6 triệu đồng tương ứng 66,7% do điều chỉnh tăng lợi nhuận tại Công ty liên kết, liên doanh;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 29,169 tỷ đồng tương đương 110,45% do điều chỉnh ghi nhận trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và ghi nhận sai chi phí quản lý tại Công ty con sau kiểm toán.

Từ các nguyên nhân trên dẫn đến Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng lợi nhuận 20,3 tỷ đồng so với trước kiểm toán.

II. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ

Stt	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		Năm 2020	Năm 2019		
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	15,206,862,367	18,572,781,860	(3,365,919,493)	(18.12)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			-	
3	Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	15,206,862,367	18,572,781,860	(3,365,919,493)	(18.12)
4	Giá vốn hàng bán	11,006,068,179	11,719,032,859	(712,964,680)	(6.08)
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,200,794,188	6,853,749,001	(2,652,954,813)	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	35,099,159,145	18,025,921,679	17,073,237,466	94.71
7	Chi phí tài chính		33,958,115	(33,958,115)	(100.00)
8	Chi phí bán hàng	1,205,193,722	1,059,096,144	146,097,578	13.79
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2,925,727,733)	10,977,002,465	(13,902,730,198)	(126.65)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41,020,487,344	12,809,613,956	28,210,873,388	
11	Thu nhập khác	-		-	
12	Chi phí khác	35,162,233	198,332,017	(163,169,784)	(82.27)
13	Lợi nhuận khác	(35,162,233)	(198,332,017)	163,169,784	(82.27)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40,985,325,111	12,611,281,939	28,374,043,172	224.99
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,800,678,375	2,687,195,125	3,113,483,250	115.86
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	35,184,646,736	9,924,086,814	25,260,559,922	254.54

Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2020 tăng: 25.26 tỷ đồng, do các nguyên nhân sau:

- Trong năm 2020, việc kinh doanh ảnh hưởng Covid -19 lưu lượng khách giảm dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm, giá vốn bán hàng trong kỳ cũng giảm. Là nguyên nhân làm cho lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2020 tăng 17,07 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2019 là do phát sinh lãi các khoản đầu tư tăng so năm 2019 .

- Chi phí tài chính năm 2020 giảm: 33,95 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2019 do không phát sinh lãi vay so với năm 2019 .

- Chi phí bán hàng tăng 146 triệu đồng tương ứng 13,79% so với năm 2019

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 13,9 tỷ đồng do Công ty hoàn nhập và điều chỉnh ghi nhận trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng với cùng kỳ năm 2019.

- Chi phí khác giảm 163 triệu đồng do phát sinh chi phí giảm so với năm 2019.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 28,374 tỷ đồng, thuế TNDN giảm 30% nghị định 114/2020 dẫn đến Lợi nhuận sau thuế tăng 25.26 tỷ đồng so với cùng kỳ 2019.

2. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Stt	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		Năm 2020	Năm 2019		
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	188,610,514,367	201,026,788,860	(12,416,274,493)	(6.18)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			-	
3	Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	188,610,514,367	201,026,788,860	(12,416,274,493)	(6.18)
4	Giá vốn hàng bán	184,304,673,679	194,036,663,359	(9,731,989,680)	(5.02)
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,305,840,688	6,990,125,501	(2,684,284,813)	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	50,999,008,828	56,578,775,390	(5,579,766,562)	(9.86)
7	Chi phí tài chính	15,592,605,552	20,598,197,851	(5,005,592,299)	(24.30)
8	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	114,152,379	(2,440,854)	116,593,233	(4,776.74)
9	Chi phí bán hàng	1,304,688,537	1,168,153,123	136,535,414	11.69
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2,759,343,244)	12,752,665,991	(15,512,009,235)	(121.64)
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41,281,051,050	29,047,443,072	12,233,607,978	
12	Thu nhập khác	-	90,000,000	(90,000,000)	(100.00)
13	Chi phí khác	35,339,377	10,408,425,520	(10,373,086,143)	(99.66)

Stt	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		Năm 2020	Năm 2019		
14	Lợi nhuận khác	(35,339,377)	(10,318,425,520)	10,283,086,143	(99.66)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41,245,711,673	18,729,017,552	22,516,694,121	120.22
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,821,175,960	2,723,552,754	3,097,623,206	113.73
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	35,424,535,713	16,005,464,798	19,419,070,915	121.33

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 tăng so với năm 2019, do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 giảm 12,416 tỷ đồng tương ứng giảm 6,18% so với năm 2019. Nguyên nhân chính, từ đầu năm 2020 đến nay, tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng tác động trực tiếp đến các hoạt động SXKD của các công ty con cũng như Công ty mẹ dẫn đến doanh thu năm 2020 giảm so với năm 2019;
- Giá vốn hàng bán giảm nên lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 2,68 tỷ đồng so với năm 2019;
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm so với năm 2019 do Công ty con giảm các khoản đầu tư trong năm;
- Chi phí tài chính giảm 5,0 tỷ đồng tương ứng 24,3% so với năm 2019 nguyên nhân trong năm 2020 Công ty con giảm phát sinh chi phí tài chính trong năm;
- So với cùng kỳ doanh thu tại Công ty liên kết tăng nên phần lãi trong công ty liên doanh liên kết tăng 116,59 triệu đồng;
- Chi phí bán hàng tăng 136 triệu đồng tương ứng 11,69% so với năm 2019;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 giảm 15,512 tỷ đồng so với năm 2019 vì Công ty mẹ và các Công ty con hoàn nhập khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm;
- Thu nhập khác giảm 90 triệu đồng do không phát sinh thu nhập trong năm;
- Chi phí khác giảm 10,373 tỷ đồng so với năm 2019 do Công ty mẹ và công ty con giảm chi phí khác trong năm;
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2020 tăng 3,097 tỷ đồng tương ứng 113,73% so với năm 2019 do tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng;

- Từ các nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 tăng 19,419 tỷ đồng so với năm 2019.

III. Giải trình vấn đề cần nhấn mạnh trên báo cáo đã kiểm toán tại báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020.

Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ

- Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 8 tại ngày 31/12/2020, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân mượn 378.937.140.008 đồng (tương đương 33,7% tổng giá trị tài sản). Các khoản cho mượn này không có tài sản đảm bảo.

- Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2020 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

- Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 8 tại ngày 31/12/2020, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay, mượn 526.313.640.008 đồng (tương đương 39,56% tổng giá trị tài sản). Các khoản cho vay, cho mượn này không có tài sản đảm bảo.

Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:

Đây là lưu ý của Công ty kiểm toán đến người đọc Báo cáo tài chính của Công ty.

Trên đây là giải trình của công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM



NGUYỄN TƯỜNG CỘT